

TRÍCH HỘI THẢO KHOA HỌC LỚP 12V HK1 NĂM HỌC 2021-2022
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

PHONG CÁCH VĂN HỌC
VÀ PHONG CÁCH MỘT SỐ NHÀ THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

PHONG CÁCH VĂN HỌC

Dương Lưu Lệ Quyên

Phong cách là những nét riêng độc đáo về tư tưởng và nghệ thuật, những phẩm chất thẩm mỹ thể hiện trong sáng tác của một nhà văn, một giai đoạn, một thời đại, một nền văn học. Phong cách là một sự khẳng định thành tựu của văn học.

Về lịch sử, từ nguyên phong cách có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp cổ là *stylos* nhằm để chỉ một cái que có đầu nhọn và đầu tù. Người La Mã thì gọi là *stylus* cũng để chỉ cái que, nhưng đầu nhọn dùng để viết, đầu tù dùng để xóa trên một đầu bảng nhỏ có thoa sáp. Đến người Pháp thì dùng chữ *style*, ban đầu có nghĩa là một nét chữ, sau đó là bút pháp (mang đặc điểm về ngôn ngữ và văn thể). Trong *Bàn về phong cách*, Buffon cho rằng: “Phong cách là cái còn lại hoặc hạt nhân mà sau khi từ nhà văn chúng ta bóc đi những cái không phải của bản thân anh ta, và tất cả những thứ mà anh ta giống với người khác”. (Dẫn theo Phương Lưu, *Lý luận văn học*, tr.88) Nghĩa là, phong cách chính là cá tính, nhưng không phải cá tính trong đời sống, mà là cá tính trong sáng tạo nghệ thuật.

Phong cách văn học là một phạm trù thẩm mỹ chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương diện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của nhà văn, của một nền văn học dân tộc. Quá trình sáng tạo không chỉ là quá trình phản ánh mà còn biểu hiện, hay nói như Lê Ngọc Trà, là quá trình “nghiên ngẫm” hiện thực; không chỉ tái hiện hoặc tái tạo mà còn gửi gắm bao nhiêu tâm tư, tình cảm, bao nỗi niềm xúc động, là hoạt động của nội tâm mãnh liệt, tâm huyết gan ruột. M. Duras, tác giả tiểu thuyết *Người tình* nổi tiếng, từng nói rằng: “Viết là tự giết mình, nhưng không phải bằng cái chết”. Đó cũng chính là quá trình đi tìm chính mình. Các nghệ sĩ lớn xưa nay thường nhấn mạnh tầm quan trọng của nét riêng, những nét độc đáo cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật. Phạm Văn Đồng tâm sự với các nhà văn rằng: “Phải lắng nghe cái gì sâu xa nhất trong con người mình, bồi dưỡng cho mình một bản lĩnh vững vàng, một phong cách độc đáo, vì nghệ thuật không phải là sản xuất hàng loạt như sản xuất công nghiệp. Hãy suy nghĩ lời khuyên của M.Gorki: “Bạn hãy giữ lấy cái gì là của riêng mình, làm sao cho nó phát triển tự do.” Lúc một người không có cái gì là riêng của mình thì phải thấy ở người đó chẳng có cái gì hết” (*Bàn về văn hóa văn nghệ*, Nxb Văn hóa nghệ thuật, H. 1963, tr.267). Vì vậy, nói đến phong cách văn học là khẳng định đóng góp riêng, thành tựu riêng của một nền văn học, nhất là của những nhà văn cụ thể. Nhà văn có phong cách là người tạo ra được nét khu biệt rất rõ cho mình. Các yếu tố nghệ như mâu thuẫn lại hoàn toàn thống nhất với nhau, đó là vừa độc đáo lại vừa đa dạng, phong phú, vừa bền vững lại luôn vận động, đổi mới. Nhưng tất cả những yếu tố đó, chưa đủ để tạo nên một phong cách. Độc đáo, đa dạng, bền vững, đổi mới, nhưng còn phải hay, phải thức tỉnh đời sống thẩm mỹ trong bản chất người của con người, đem đến cho con người nội dung mỹ cảm mới. Vì vậy, xét cho cùng, người sáng tạo nào cũng có những đặc điểm riêng, nhưng không phải ai cũng có phong cách. Phong cách không chỉ là dấu hiệu trưởng thành của một tác giả, mà còn hơn thế nữa, khi nó thu hút

nhiều người cùng vươn lên thể hiện chính mình, thì đó chính là bằng chứng của một nền văn học đã trưởng thành, đã tự khẳng định được mình.

Phong cách văn học khác với phong cách ngôn ngữ với tư cách là một khoa học với tên gọi là phong cách học tiếng Việt hoặc là một thứ tiếng nào đó. Trong thực tế sử dụng, ngôn ngữ được dùng trong phạm vi các tập đoàn người, các thành phần xã hội khác nhau, vì thế nó có mang những phong cách khác nhau. Đó chính là phong cách chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp của con người. Văn học là nghệ thuật ngôn từ, nó biểu hiện thông qua hệ thống ngôn ngữ, nó cũng mang những phong cách nhất định, đó chính là vấn đề thuộc phạm vi hình thức của tác phẩm. Mỗi người viết có thể có sự độc đáo ở những hệ thống tu từ khác nhau, không tìm thấy ở người khác. Những yếu tố mang sắc thái tu từ ấy lặp đi lặp lại, mang giá trị ổn định, bền vững làm nên thế giới nghệ thuật của bản thân nhà văn đó, nghĩa là đã chuyên hóa từ hình thức trở thành nội dung. Phong cách văn học không chỉ đòi hỏi ở phạm vi hình thức mà còn biểu hiện ở phẩm chất nội dung. Trong thực tế, có bao nhiêu yếu tố trong cả nội dung lẫn hình thức tác phẩm, thì có bấy nhiêu thành tố tùy thuộc vào cái “tạng” của mỗi người, tạo ra dấu vết cho phong cách nhà văn biểu hiện. Phong cách biểu hiện ở việc chọn đề tài. Có người thích những đề tài nên thơ, nhẹ nhàng, lại có những người thích những đề tài rắc rối, phức tạp, éo le như “cây tre trăm đốt”. Phong cách biểu hiện ở cảm hứng chủ đạo của nhà văn. Có người tuân trào theo cảm hứng chủ đạo thì lay động lòng người, nhưng phê phán, lên án, tố cáo thì lại thất bại. Ngược lại, có người phê phán thì đầy sức thuyết phục, nhưng ca ngợi thì lại nhạt nhẽo vô duyên. Phong cách còn biểu hiện ở nghệ thuật xây dựng nhân vật. Mỗi người viết thường quen thuộc, qua lại với một số nhân vật nhất định, khi miêu tả loại nhân vật khác, ngòi bút trở nên gượng ép, hời hợt. Phong cách còn biểu hiện ở thể loại. Mỗi nhà văn có thể viết được nhiều thể loại nhưng chỉ thành công ở một vài thể văn nhất định. Cũng là văn xuôi nhưng có người chỉ hợp với ký mà không thể viết truyện ngắn hay tiểu thuyết. Có người, chỉ viết được tiểu thuyết mà không viết được truyện ngắn. Hoàng Phủ Ngọc Tường viết truyện dài, truyện ngắn, bình luận văn học, chân dung tác giả... nhưng anh viết cái gì cũng thành ký mà thôi. Thành công để lại dấu ấn và nhất quán thành một phong cách ở nhiều thể văn, nhiều loại hình nghệ thuật như Nguyễn Đình Thi (tiểu thuyết, thơ, kịch bản văn học và cả âm nhạc) là trường hợp hiếm trong lịch sử văn học. Cái hay của *Lịch triều hiến chương loại chí* chính là ở chỗ, sau khi giới thiệu từng tác giả, Phan Huy Chú đã *lấy* ra được phong cách của từng người qua một vài từ vài câu: Trần Thái Tông “lời thơ thanh nhã”, Trần Nguyên Đán “cảm khái thế sự, thân tuy ở ẩn nhưng lòng không quên việc nước”, Trần Quang Khải “lời thơ thanh thoát, nhàn nhã, xem có thể thấy tướng mạo, phong thái con người”... Những chấm phá tài hoa trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh – Hoài Chân cũng nêu được hơi thở và nhịp đập tâm hồn thể hiện một cách chuẩn xác phong cách thơ của các thi nhân, có thể sánh ngang với Phan tiên sinh của *Lịch triều hiến chương loại chí*.

Phong cách văn học có thể thiên về nội dung, nhưng phải trên cơ sở một hình thức nhất định. Cũng có thể thiên về hình thức nhưng cũng phải bắt nguồn từ một nội dung nhất định. Nguồn gốc của phong cách chính là cá tính sáng tạo, chủ yếu thuộc về nội dung, nhưng sự biểu hiện của phong cách, có thể hoặc thiên về nội dung, hoặc thiên về hình thức.

Phong cách văn học cũng khác với phương pháp sáng tác, khác với cả phương pháp riêng của từng cá nhân. Phương pháp sáng tác là thành tố bên trong thuộc tầng sâu của tác phẩm, với nguyên tắc tư tưởng – nghệ thuật chịu sự chi phối của một thế giới quan nhất định. Trong khi đó, phong cách văn học thiên về các dấu hiệu biểu hiện qua hình thức có thể cảm nhận được bởi nó vốn nổi lên trên bề mặt của tác phẩm. Phong cách là dấu hiệu thành công, trưởng thành của tác giả thì phương pháp riêng là sở hữu tất yếu của bất kỳ tác giả nào. Ai cũng có một

phương pháp riêng của mình, bởi vì khi đã tìm đến với việc sáng tạo nghệ thuật, tác giả vốn đã có một thế giới quan nhất định, hướng tới một lý tưởng xã hội – thẩm mỹ nhất định, trên cơ sở trình độ tư tưởng của họ. Và, tất nhiên, suy cho cùng, tác giả nào cũng có những đặc điểm thể hiện trong sáng tác, nhưng có khi đặc điểm còn mờ nhạt chưa đủ phẩm chất cần thiết làm nên phong cách. Sự khác nhau giữa nhiều phong cách và phương pháp riêng cụ thể được xem xét trên nhiều khía cạnh.

– *Thứ nhất*, về thế giới quan, là yếu tố quyết định hình thành phương pháp riêng, nhưng cá tính không có một tác dụng nào cả. Ngược lại, đối với sự hình thành phong cách thì toàn bộ đời sống tinh thần bao gồm tâm lý, khí chất, hứng thú, cảm quan, đặc biệt là cá tính, giữ vai trò quyết định, còn thế giới quan chỉ là cái bóng mờ, có đấy nhưng chỉ giữ vai trò “cảnh giới”. Trong *Phê bình văn học*, Chế Lan Viên cho rằng nhờ có cái đậm đà chất “suy nghĩ” của Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, cái “nhẹ nhõm tươi mát” của Bằng Sĩ Nguyên, “cái trực trặc gân guốc” của Trần Mai Ninh, “cái giản dị đáng mến” của Trần Hữu Thung, Anh Thơ, mà người đọc có thêm một cách riêng để nhìn sự vật” (*Phê bình văn học*, Nxb Văn học, H. 1962, tr.141) Tuy xuất phát cùng một thế giới quan, nhưng mỗi người có một cá tính sáng tạo khác nhau, mới có thể tạo ra sự đa dạng của màu sắc thẩm mỹ. Cũng chính vì thế, khi thế giới quan thay đổi thì phương pháp sáng tác sớm muộn gì cũng thay đổi, nhưng cũng có thể không thay đổi, hoặc chỉ thay đổi từng phần, từng bộ phận.

– *Thứ hai*, về đối tượng miêu tả, xét cho cùng không tác động gì đến phương pháp riêng, nhưng có tác động nhất định đối với phong cách. Đề tài càng được mở rộng bao nhiêu càng góp phần làm cho phong cách trở nên đa dạng bấy nhiêu. Đề tài, đối với chủ nghĩa cổ điển luôn hạn chế, phong cảnh không được phong phú, đối với chủ nghĩa lãng mạn có được mở rộng nhưng do cách nhìn chủ quan, đối tượng miêu tả cũng hạn chế, phong cách cũng hạn chế, chỉ với chủ nghĩa hiện thực mới có sự phong phú tương ứng giữa đề tài và phong cách.

– *Thứ ba*, đối với trào lưu văn học xuất phát từ tính tự giác và tính chiến đấu cao, mọi trào lưu cần phương pháp chung, càng nhất trí cao bao nhiêu thì trào lưu đó càng có thêm sức mạnh, nhưng đối với phong cách thì hoàn toàn ngược lại, trong một trào lưu càng đa dạng về phong cách bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

Có ba loại hình phong cách văn học chủ yếu: phong cách cá nhân, phong cách thời đại, phong cách dân tộc. Mỗi con người đều có một cá tính riêng, mỗi tác giả phải có một phong cách riêng, mới có chỗ đứng trong lòng người đọc. Mỗi thời đại thường ấn dấu trong sáng tác của một nhà văn hoặc toàn bộ nền văn học, tạo nên phong cách của một thời đại văn học. Tô Hữu tiêu biểu cho phong cách văn học thời đấu tranh giải phóng dân tộc, Nguyễn Huy Thiệp tiêu biểu cho văn học thời đại đổi mới. Mỗi nhà văn đều thuộc một dân tộc cụ thể, sáng tác của họ tất yếu đều ít nhiều mang phong cách dân tộc. Phong cách dân tộc còn là phẩm chất của một nền văn học đấu tranh cho lịch sử và vận mệnh của dân tộc mình, thể hiện qua tâm lý, lối sống, ngôn ngữ, thể loại và quan niệm mang tính truyền thống. Vì vậy có thể có sự kế thừa và phát huy những nét giống nhau của nền văn học dân tộc tạo nên một dòng phong cách.

Các yếu tố chủ yếu tạo thành một phong cách văn học tập trung ở cái nhìn, giọng điệu và thủ pháp nghệ thuật. Tác phẩm văn học là đứa con tinh thần của tác giả. Chính vì thế nó thể hiện cách nhìn, cách cảm nhận của chủ thể trong đó có những cá tính độc đáo, để chuyển hóa vào trong tác phẩm. Nơi xuất phát của cái nhìn là điểm nhìn nghệ thuật, nơi gắn bó chặt chẽ với người viết, nó cho ta thấy quan điểm, thái độ, tình cảm của người viết đối với thế giới nghệ thuật do mình sáng tạo ra. Điểm nhìn là điểm rơi của cái nhìn, là phương thức phát ngôn, trình bày, miêu tả phù hợp với cách nhìn, cách cảm thụ thế giới của tác giả. Cái nhìn thể hiện trong

tất cả các loại hình, loại thể, thể hiện ở điểm nhìn của người trần thuật, của tác giả, của nhân vật; đối với văn xuôi tự sự gọi là điểm nhìn trần thuật.

Phong cách còn biểu hiện rõ nhất ở giọng điệu văn chương. Nếu trong đời sống mỗi người có một giọng nói khác nhau, thì mục tiêu cuối cùng trong sáng tạo văn chương chính là mỗi người tìm thấy một giọng điệu riêng cho mình. Giọng điệu không phải là ngôn ngữ. Giọng điệu lớn hơn nhiều so với ngôn ngữ. Thông qua giọng điệu, người ta cảm nhận được khẩu khí, ngữ điệu, âm thanh, màu sắc, cao hơn là thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng của tác giả đối với các hiện tượng miêu tả. Những tác gia lớn bao giờ cũng tạo ra một giọng điệu riêng không trộn lẫn với bất kỳ ai. Một giọng điệu kiêu bạc của Nguyễn Tuân, bên cạnh một giọng điệu đậm sâu chất suy tư của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bên cạnh giọng thơ đắm say giao hòa của Xuân Diệu, lại có một giọng điệu suy tư nặng đày trí tuệ của Chế Lan Viên. Hãy cứ hình dung, các tác giả sau thời chống Mỹ đến nay, mấy ai đã tìm ra một giọng điệu riêng. Đối với một bài thơ, nếu che tên tác giả, đọc lên khó nhận ra là của ai. Trong khi đó, chỉ cần đọc vài câu có thể nhận ngay ra đó là Chế Lan Viên, là Hàn Mặc Tử, là Bích Khê không trộn lẫn, mặc dù họ cùng viết về một đề tài, ra đời cùng một thời điểm:

Trăng nằm sóng soái trên cánh liễu (Hàn Mặc Tử)

Vừa dâm tục ôm trắng vờ vật ngủ (Chế Lan Viên)

Chén trăng vừa tâm với

Chàng ơi, vàng rờng đây Kê môi say ân ái... (Bích Khê)

Cùng một câu nói, giọng điệu khác nhau, nội dung cũng đã khác nhau. Trong tác phẩm tự sự, giọng điệu biểu hiện chủ yếu ở ba phương thức: giọng điệu trần thuật, giọng điệu miêu tả, giọng điệu nhân vật.

Phong cách còn biểu hiện ở các thủ pháp, các biện pháp nghệ thuật với tư cách là những yếu tố kỹ thuật về mặt hình thức nhằm thể hiện nội dung.

Tóm lại, *phong cách văn học là những nét riêng độc đáo, lặp đi lặp lại mang giá trị ổn định bền vững về tư tưởng, – nghệ thuật thể hiện trong sáng tác của một nhà văn, một thời đại, một dân tộc, là những phẩm chất góp phần tạo nên tiến trình văn học.*

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT THƠ NGUYỄN ĐÌNH THI

Ngô Quốc Tính

Được xem là con người đa tài, Nguyễn Đình (1924-2003) Thi có thể coi như một nhà văn, nhưng đồng thời có thể gọi ông là “lục sĩ”, bởi lẽ chính ông đã “xây dựng được nhiều nhà”: Nhà văn, nhà triết, nhà kịch, nhà phê bình, nhà thơ. Nhưng có lẽ đặc biệt hơn cả, là nhà nào của ông cũng hiên ngang bên bờ với cái cuồn cuộn của dòng đời.

Không ít người đã cho rằng chính cái đa tài ấy rồi sẽ là cái “họa” của ông bởi “chính ông lại tự che khuất ông”, nhưng bằng cảm quan tinh nhạy, bằng cái bản lĩnh của một người nghệ sĩ nắm vững cái chân lí của nghệ thuật từ cuộc vật lộn tư tưởng, chất lọc tâm huyết, với khát vọng làm mới thơ trong “Thơ mới”, phủ nhận “Thơ mới” ông cho vào những vần thơ mình một nét rất khác biệt, một phong cách rất riêng, rất Nguyễn Đình Thi. “Say đắm nhưng không say đắm như Xuân Diệu, say mà tỉnh; có trí tuệ nhưng không trí tuệ như Chế Lan Viên, anh xúc cảm từ nhỡn kiến chứ không phải từ trí thức: có suy tưởng nhưng không suy tưởng như Huy Cận, anh suy tưởng từ hình sắc chứ không phải vô ảnh”.

Hơn 60 năm cầm bút ông đã để một lượng lớn tác phẩm ở nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. Nhưng với thơ, ông để nhiều tâm huyết hơn cả. Có bản sắc và giọng điệu; vừa tự do, phong khoáng; vừa hàm súc, sâu lắng, suy tư; đồng thời là những tiềm tài theo hướng hiện đại. Một phong cách hoàn toàn mới mẻ với nền văn học Việt Nam, vừa kết hợp cái tinh hoa cổ điển từ cha ông, vừa phát huy hết cái chất lãng mạn của “Thơ mới”, vừa tạo nên một cách tư duy hiện đại đậm chất trí tuệ, giàu cảm xúc. Đúng như lời nhận xét của Hoài Thanh: “Một tiếng thơ đậm đà phong vị thời đại và quê hương là một đóng góp tích cực làm cho nền thơ cách mạng trẻ tuổi của chúng ta ngày càng đa dạng”.

1. Cảm hứng lãng mạn và tình yêu đất nước

Trước hết, nổi bật ở ông Nguyễn Đình Thi chính là tình yêu nước, tình yêu nồng nàn, nó dạt dào như những đợt sóng nơi biển trời rộng lớn, ông yêu đến nỗi chính nó gần như đã trở thành một cảm hứng luôn hiện hữu trong chính thơ văn của ông. Cũng như tác giả Nguyễn Khoa Điềm khi viết về “Đất nước”

“Khi ta lớn lên Đất nước đã có rồi

Đất nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể.

Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre đánh giặc” ...

Đất nước là những gì gần gũi nhất, thân thuộc nhất. Nó hóa thân trong truyền mẹ kể, nó lắng sâu trong tằm trầu của bà, nó thì thầm trong lũy tre xanh rì thấp thoáng buổi chiều quê, nhưng đôi lúc là cái rục rĩ trong từng bản làng, xóm giềng. Đất nước như một dòng sông súc cảm, tiếp nối những đợt vỗ dài, đánh động đến tâm hồn chính Nguyễn Đình Thi, dào dạt nhưng nhẹ nhàng, ồ ạt cùng sâu lắng, cùng cái thiết tha da diết đến lạ thường rồi cuối cùng là sự ra đời của “Đất Nước” (1948-1955).

“Đất Nước” ra đời, đặt nên một dấu ấn đậm nét trong lịch sử thi ca nước nhà. Lần đầu tiên có sự góp mặt đồng thời giữa các yếu tố trữ tình và anh hùng ca cùng lãng mạn và hiện thực. Qua đó khắc họa bức tranh tuyệt mỹ về hình ảnh một dân tộc ngoan cường, khí thái bất hủ, đẹp đẽ trong mọi gian lao bất hạnh.

Tổ Hữu đã từng đã phải thốt lên rằng: “Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!” qua “Người chiến sĩ” thì giờ đây chính cái cảm xúc ấy lại ngân vang quyện hòa cùng “Đất Nước”, đó chính là vẻ đẹp, không phải của một đất nước mà của cả một dân tộc, là bức tranh lịch sử oai hùng, vang dội của đất nước ngập chìm trong khói lửa chiến tranh.

Như ta đã biết tình yêu đất nước là một đề tài rất lớn trong chính thơ ca Cách Mạng nói chung và thơ ca kháng chiến chống Pháp nói riêng. Mỗi nhà thơ, mỗi nhà văn, hình tượng đất nước lại hiện hữu ở mỗi vẻ mặt rất riêng. Cùng cảm hứng hiện thực kết hợp lãng mạn, đất nước của Nguyễn Đình Thi là một thể thống nhất và quyện hòa giữa hai đối cực: “vết vả đau thương” nhưng “tươi thắm vô ngần”

Với những hình ảnh thơ đầy sức ám gợi ấy. Nguyễn Đình Thi đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó có thể nào phai được về một đất nước thương đau trước cái giày xéo của quân thù.

“Bức tường đầy vết đạn

Ôm bóng tối đổ nghiêng...

Hà Nội nát người trong gai sắt

Máu chảy hồng tươi bát khuất”

-Hà Nội đêm nay-

*“Ôi quê hương ta đau xót
Đói gày mắt nhìn thiêu đốt” (lúa)
“Cây cháy rụi vàng
Mặt em trắng toát” (Em bé gái)*

Dù có bị bom đạn kẻ thù giày xéo, dù cho có vất vả tang thương nhưng dường như Nguyễn Đình Thi vẫn dồn hết tâm sức của mình để khắc họa lên một đất nước tươi thắm, đẹp đẽ vô ngần. Đó là điều diệu kì của cả một dân tộc, là kì tích trong những tác phẩm của ông. Viết về sự đau thương của một đất nước xong ta không cảm thấy bi thương, ta cảm nhận thấy một cảm hứng vượt thoát, vượt trên cả nỗi đau nhằm khẳng định chính sức mạnh của dân tộc, chứng minh chính cái quật cường, bất khuất đã có từ ngàn đời nay. “Hà Nội nát người trong gau sắt”, “máy chảy” nhưng là “hồng tươi bất khuất”, là bức tường đầy vết đạn của quân thu, nhưng vẫn “cổ vươn mình thẳng lên”, một dân tộc “chìm trong máu chảy” nhưng vẫn đủ sức mạnh để “vùng đứng lên, đập quân thù xuống đất đen”. Và chính nguồn sống kì diệu ấy được tạo nên bởi những con người biết sông, chiến đấu và hi sinh cho lẽ phải. Đó chính là con người.

*“Vi tổ quốc anh hi sinh lặng lẽ
Trên môi lưu luyến nụ cười”
(Người tử sĩ)
“Chiều qua đôn chúng đạn
Giữa vườn lê nhắm mắt thản nhiên
An Châu mấy anh không về nữa
Nụ cười còn tươi nguyên”
(Bài thơ viết cạnh đôn Tây)*

Nhưng sẽ là một thiếu sót cực kì lớn khi mà ta không nói đến hình ảnh lãng mẫn hào hoa của những người lính cách mạng. Bất chấp cái gian khổ, khắc nghiệt, họ vẫn lạc quan, mơ mộng, sống hết mình với cuộc đời, không bao giờ ngã gục trước cái tàn khốc của hiện thực.

*“Ôi những cánh đánh quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu” ...*

Những câu thơ giàu chất tạo hình, gây nên những ấn tượng sâu sắc bằng những hình ảnh đập mạnh vào ngay chính giác quan của người đọc. Nó vừa cụ thể lại nhưng lại khái quát, vừa là hư ảo nhưng cũng là hiện thực. Với thủ pháp ngược sáng của điện ảnh ông đã làm bật lên một sự tương phản gay gắt.

Trong cái ánh chiều tà, những hàng dây thép gai rào quanh đôn bốt giặc giăng tua tua những đọt gai như thể nó đang đâm nát cả một quãng trời quê hương, cái ráng đỏ trên những rãnh cây khiến cả cánh đồng vùng vành đai trắng như đang đổ máu. Chỉ bằng một hình ảnh tả thực do quan sát trong một chiều hành quân qua Bắc Giang, ông đã nâng nó lên thành một hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng khái quát cho cái đau thương của đất nước trong chiến tranh. Bởi chiến tranh, cái thanh bình đẹp đẽ của làng quê bị nhuộm một màu rực đỏ của máu, bởi chiến tranh mà buổi chiều tà nô nức tiếng nay chỉ còn lại cái hiu quạnh, hoang vắng. Tả cảnh nhưng như thể đang nói đến cái tình. Với “Ôi”, ông như muốn nói lên nỗi đau xót vô hạn tới con dân xen lẫn niềm uất hận tột cùng với quân thù. Và đúng như chính tác giả Hoài Thanh đã nhận xét: “Có những nhà thơ chỉ nói cái vui chiến đấu và chiến thắng. Nguyễn Đình Thi còn nói thêm cho những xót xa, mất mát”

Tan thương là vậy, đau khổ là thế, những tất thảy cũng làm cái nền để là nổi bật lên chính tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng: “Nhưng đêm dài hành quân nung nấu-Bồng bồng chồn nhớ mắt người yêu”. Nguyễn Đình Thi hiểu, rất chi là rõ ràng, ông cảm nhận sâu sắc từng rung động trong chính tâm hồn người ra trận. Đó là “Những đêm dài” thường trực hòa vào cái đột xuất “Bồng”, mỗi tương quan chung riêng ấy đã vẽ lên cho chính chúng ta về một đời sống tinh thần đáng yêu giữa các anh lính cách mạng, Đó chính là “Nhớ mắt người yêu”, đôi mắt như vì sao sáng ngời nơi tận cùng, chiếu rọi cho con tim các anh những niềm hi vọng, nó như ngọn đuốc rọi đường cho chính niềm tin cháy sáng trong những đêm dài.

*Chúng ta như hai ngôi sao
Hai đầu chân trời lấp lánh
Trong không gian mênh mông xa xôi
Chiều chiều cùng sáng lên ánh sáng
Đem lòng hi vọng xóa thương đau
(Bài thơ viết cạnh đồn giặc)
“Mắt trông gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*

Hài hòa giữa cái riêng và cái chung, giữa tình cảm lứa đôi và tình yêu tổ quốc. Cái riêng không những không khiến cho các anh thôi chí nản lòng mà ngược lại, nó như động lực tính thần mạnh mẽ, như là sự cô vũ lớn lao, tiếp thêm sức mạnh cho các anh trong những giờ phút cam go, những khoảng khắc thập tử nhất sinh. Hai câu thơ khắc họa rõ nét cho chính đời sống tinh thần của người lính, ra đi trong bầu nhiệt huyết tràn đầy sức trẻ, xách đi những vẻ đẹp, những trong sáng của tâm hồn. Như là đôi cánh như, nâng đỡ các anh, vượt qua cái thực tại trần trụi, mịt mù khói lửa, xương máu. Không sợ hãi không chùn bước, không u buồn, trong kí ức chỉ hữu hiện những mảng kí ức tươi đẹp của những lời hẹn ước, những tháng ngày hòa bình rực rỡ.

Như vậy có thể thấy Nguyễn Đình Thi nói về cái riêng, tình yêu đôi lứa không những bị tách rời khỏi tinh thần mà còn quyện hòa vào chính tình nồng nàn yêu nước, “chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”, hiến dâng chính tuổi trẻ của chính mình để mà tiếp nối vào cái hoài bão linh thiêng mà cả một dân tộc đang mong mỏi, trông chờ, hoàn thành tâm nguyện, nhiệm vụ cao cả mà chính tổ tiên bao đời nay gìn giữ. Nói như Phan Cự Đệ: “lần đầu tiên trong lịch sử thi ca dân tộc, những bài thơ này đã tổng hợp vào bản thân mình các yếu tố lãng mạn và hiện thực, trữ tình và anh hùng ca”

2. Thơ điệu nói, hàm súc kiệm vắn:

Thơ Nguyễn Đình Thi không cầu kì và chính bản thân ông cũng không thích sự cầu kì, tĩa tót, đến với nghệ thuật hay khi thể hiện một tác phẩm nghệ thuật mới với ông là phải tự nhiên. Ông thích lối nói thông thường, không đi đâu xa với những ngôn từ lạ lẫm, cũng chẳng dùng lấy Hán Việt hay ngoại lai, cũng chẳng dùng đến những từ sao rỗng luyên láy, càng không cô làm khác, làm lạ thơ bằng cách xáo trộn trật tự từ ngữ, bằng cách cắt xém, thậm chí là khiến cả câu thơ bị què quặt.

Muốn đào sâu, tìm tòi, hay khai thác kho từ vựng của ngôn ngữ đời sống, nó phải thật là tự nhiên. Những từ ấy phải đến ngưỡng “có tính chất gợi mở, không giới hạn”, cố gắng sao cho không hiện ra “chữ thừa” trong thơ, độ khơi gợi hết tầm biểu đạt của ngôn ngữ, tạo nên một chiều sâu cho thơ, Và chính bản thân ông cũng đã nói rõ: “Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kỳ diệu của thơ là mỗi

tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, tỏa ra chung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gọi ấy:

*“Hà Nội chiều nay mưa tâm tã
Ta lại về đây giữa phố xưa
Nước Hồ Gươm sao xanh dịu quá
Tháp Rùa rọi lệ cười trong mưa
...Ta đứng khóc giữa trời mưa hắt
Leng keng chuông xe điện đổ hồi
Lòng ta bỗng như dòng suối mát
Ta về đây Hà Nội ơi”.*

(Ngày về)

Cũng bằng chính ngôn ngữ bình dị ấy, không quá cách điệu bằng những chữ mới, cũng chẳng dùng đến tu từ lạ, không làm dáng, chẳng màn đến chau chuốt điểm trang câu chữ trong thơ ông. Trong bài thơ “Không nói”, cách ngắt dòng tự do và văn nói được thể hiện rõ nét:

*“Chiều mờ gió hút
Nào đồng chí - bắt tay
Em
Bóng nhỏ
Đường lầy”*

"Nào đồng chí - bắt tay" (đây là một đối thoại giả, đúng hơn là cử chỉ "hạ quyết tâm") cùng ba dòng thơ cuối, được cắt ngắn, mài vụn đến tận cùng. Nhưng vậy cũng chẳng thể nào khiến câu thơ trở nên khô khốc, rời rạc, mà ngược càng khiến cho nó càng giàu chất tạo hình. Hình ảnh dường như cứ xa mờ dần, nhiều trắc trở, gian khó đã tạo cho bài thơ một sự chen chúc những tâm trạng. Trên bức tranh "Chiều mờ gió hút" là hình ảnh "Em" được bao phủ bởi "mưa bay", "gió hút"; và càng nhấn mạnh thêm, mờ dần bởi hình thức vắt dòng. Cũng như chính âm hưởng chung của toàn bộ bài thơ, cả đoạn thơ ấy chẳng có lấy một chữ cách điệu, tạo dáng, hay được tỉ mỉ đẽo gọt. Với cái tự sự kiệm chữ ấy, sẽ không hiện hữu bất cứ cái bóng dáng của những cái tình cảm rắc rêu, chân thực, mộc mạc và gần gũi, không tĩa tót, cũng chẳng có sự hoa mỹ nhưng lại giàu sức gọi, thổi vào bài thơ là một phong cách rất riêng, một vẻ đẹp mang đậm phong cách Nguyễn Đình Thi.

Có lần ông đã nhũn nhặn phân trần "thơ là cái thiết tha nhất của tôi, và cả cái tìm tôi rất khổ của tôi. Thơ phải nói ra cảm xúc. Cảm xúc là tai nghe mắt thấy, mũi ngửi, tay sờ, cảm thế nào nói thế ấy. Thơ không phải kể lể tình cảm. Thơ bây giờ là hình ảnh cảm xúc. Khi đã có đủ cảm xúc thì nói ra thành vần hay không vần chẳng còn là điều quan trọng. Thơ tôi nói ra như nói thường vậy". Bởi vậy, thơ của ông thường chỉ chấp chứa những ngôn ngữ dung dị, đời thường, không có cái chau chuốt, gọt đẽo tỉ mỉ ở ngôn từ, cũng chẳng màn tới những tu từ lạ. Ở thơ ông lại là sự tự do, đôi lại hay bỏ đi chính vần điệu. Như khi ông khắc họa chi tiết của cuộc sống, khi ông khái quát về người Hải Phòng một cách chuẩn xác:

*“Hải Phòng của những ai trôi dạt
Giữa ồn ào vẫn thiếu quê hương”*

Bảy câu thơ tiếp nối, dù đã bỏ vần nhưng cứ như không. Nhưng nhờ đó Nguyễn Đình Thi đã tạo cho người đọc một tâm thế tiếp nhận ý thơ của ông một cách tích cực, dân chủ, bởi những “khoảng lung linh”, “những khoảng lặng” làm nơi trú ngụ kín đáo của cảm xúc, thay vì được chứa đựng trong ngôn từ, vần điệu một cách gò bó, gượng ép. Gọi lên cho câu thơ một sức mở

vô cùng lớn, để lại ấn tượng sâu đậm về những cách tân mạnh mẽ, táo bạo trong chính phong cách của ông. Nói đến đây, chúng ta một lần nữa thấy được sự giao thoa, kết tinh, điểm hội tụ giữa thi pháp thơ hiện đại và truyền thống trong thơ ông, vì cách tạo khoảng lặng, và tự suy nghĩ ấy cũng chính là bút pháp cổ truyền phương Đông – ý tại ngôn ngoại.

3. Những đổi mới theo hướng hiện đại.

Có nhà nghiên cứu đã nói rằng: “mở cửa đi ra từ trái tim và đến thẳng tới trái tim người đọc”, như Tố Hữu nhận xét “thơ là tiếng nói của tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu”, “thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, đồng chí”... và để đạt được nó thơ phải “khởi phát từ trong lòng người ta” (Lê Quý Đôn). Còn với Nguyễn Đình Thi, nó là “một cái thiết tha nhất”, là nơi có “những tìm tòi rất khổ”. Bởi cái nỗi niềm ấy, ông thường tránh sự sáo mòn trong vần điệu, sự gò bó, gượng ép trong những câu thơ “cùng một nhịp đều đều” mà ông không thể chịu đựng. Vậy nên, để “diễn tả được đúng tâm hồn con người mới” và “những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại”, ông luôn làm nên một sự đột phá, khác biệt, tìm kiếm hình thức và cách thức thể hiện mới. Đó là sự kết tinh cả tài năng, tâm huyết, từ cuộc vật lộn tư tưởng lâu dài. Chính những điều đó đã tạo tiền đề vững chắc cho sự hình thành phong cách thơ Nguyễn Đình Thi, phong cách độc đáo, mới lạ, giàu sức ám ảnh.

Ta luôn thấy thế giới trong Thơ Mới là thế giới của cái “tôi” cá nhân, nó bị giới hạn trong chính cái xúc cảm của chính cá nhân, ít có sự gắn bó với những vấn đề cơ bản của đời sông cần lao. Nhưng đến với dòng thơ Cách mạng mà chính Nguyễn Đình Thi là một trong những cây bút đi đầu, cái thực tại nhỏ bé ấy dường như được rộng mở ra. Hướng ngòi bút tới những đời sống thực tại, đến phong phú sống động, thơ của ông ghi lại những khoảng khắc mới tươi, tự nhiên của sự sống. Như những đợt sóng dạt dào Cách Mạng đã bồi đắp lên trong ông một nguồn cảm hứng vô tận

Cảm hứng chính ở những thời kì đầu của Nguyễn Đình Thi là cảm hứng về quê hương, đất nước trong cuộc trường chinh vĩ đại của dân tộc, nhưng không phải ông không có những trầm tư về chính vị thế của con người cá nhân trong chính cuộc trường chinh ấy. Trong cuộc thay đổi lớn của dân tộc nó lại hữu hiện đâu đó những mầm hạnh phúc của chính cá nhân

Ta biết rằng Thơ Mới là tiếng thơ của cái tôi cá nhân, có phần tích cực, có ý nghĩa nhân bản, nhưng bên cạnh đó cũng không ít trường hợp trong thơ lại hiện hữu những cái tôi cô đơn, buồn chán với niềm khát khao thoát li, hướng lạc. Nhưng khi Cách Mạng tháng 8 thắng lợi, một thời đại mới mở ra, thời đại của cả một cộng đồng, một dân tộc, của cái ta, và để đóng góp vào cuộc trường chinh vĩ đại ấy, để mang đến một khí thế tích cần nhất, những cái tôi cô đơn ấy, những nỗi buồn, cùng những tình yêu không nên hiện hữu. Song ông vẫn viết về tình yêu đôi lứa, và cũng thế nào phủ nhận được chính ông thực sự cũng đã làm ra những bài thơ tình thực sự đẹp đẽ. Những chấp chửa trong nó là những nét đột phá mới mẻ. Đó chính là những tình yêu trong cuộc vận lí trường chinh đầy áp đảo của dân tộc. Đó chính là hình tượng những người chiến sĩ hiến dâng chính tình yêu, chính hạnh phúc cá nhân của mình cho cả một dân tộc. Họ nguyện gác tình riêng để chiến đấu, bởi lẽ họ biết rằng xa chỉ là xa tạm thời, xa nhau sẽ có ngày hội ngộ.

*“Đôi người yêu xa cách lại xa nhau
Yêu nhau nên họ xa nhau “
(Chuyện hai người yêu xa cách)*

*“Anh muốn em sung sướng suốt đời
Xa nhau hẹn ngày gặp lại “*

(Chia tay)

Khi quân thù còn giày xéo đất nước này thì mỗi cá nhân không thể có tình yêu chọn vẹn. Bởi thế tình yêu luôn đồng hành cùng lí tưởng. Tình yêu không nên có trong thơ văn cách mạng, bởi lẽ chính cái tình yêu ấy sẽ tạo ra sự nhớ nhung, và chính nó sẽ tạo cái bi lụy gây nhụt chí. Nhưng Nguyễn Đình Thi vẫn dám đứng lên chỉ để nói lên cái cảm xúc rất thật của mình.

*“Anh mang em như ngọn đèn chiếu rọi
Như trái tim anh đập không ngừng...
Đời anh có em như ngày có nắng
Yêu em anh yêu cả mọi người”* (Chia tay)

Và như thế lần đầu tiên trong thơ kháng chiến, lại có những cảm hứng về tình yêu được tinh tế hòa quyện cùng cảm hứng về tổ quốc. Nguyễn Đình Thi đã khéo léo dung hòa được những hành phúc cá nhân và tập thể, giữa con người và cả một dân tộc, cái chung chung hòa cùng cái riêng. Tình yêu, không chấp chừa cái cảm giác chia ly thắm thiết như Thơ Mới mà nó được đan xen bởi tầm nhìn mới mẻ, hiện đại của chính ông về tình yêu. Nó đồng hành cùng Tổ quốc. Và cũng nhờ sự kết hợp hài hòa ấy, thơ tình của ông đã trở thành những bản tình ca đích thực.

Nếu như các nhà thơ theo phong trào Thơ Mới và một số nhà thơ Cách Mạng sau này có xu thế mỹ lệ hóa ngôn từ thì ở thơ Nguyễn Đình Thi chỉ hiện hữu trên trang giấy những từ thuần Việt mộc mạc. Với cái thuần Việt hiện hữu đậm đặc, cùng các tính từ, từ láy, “mỗi tiếng mỗi chữ ngoài công dụng gọi tên sự vật bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến chung quanh nó những cảm xúc những hình ảnh không ngờ, tỏa ra xung quanh nó một vùng sáng động đập”

*“Quanh co, chen nhau rộn ràng Đồng Xuân
Xanh tươi bát ngát Tây Hồ
Hàng Đào ríu rít Hàng Đường Hàng Bạc, Hàng Gai”...*
(Người Hà Nội)

*“Rừng cây rung gió say sưa
Ngàn sao nghiêng mình vẫy chào
Bài ca thấp lên từng dòng đuốc lửa
Đò nơi tít tít qua sông”...*
(Đêm sao)

Là một trong những nhà thơ đầu tiên khởi sướng thể thơ không vần. Tuy không phủ nhận quan niệm “Thơ phải có vần, thơ không có vần không gọi là thơ” (Ngô Tất Tố), “Vần xe là cái xe chở hồn của bài thơ” (Hoàng Cầm), xong Nguyễn Đình Thi lại rất kiên định với chính ý kiến của bản thân của mình rằng: “Không phải hết vần là hết thơ...Không phải hề thiếu võ khí này thì trận đánh nhất định thua, thiếu võ khí ấy trận đánh gay go hơn nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng”, “Khi làm thơ, thahsii độ của người làm thơ là ghi lại cảm xúc. Nếu cảm xúc gặp vần thì flay. Nhưng gặp khi gò bó hãy vượt trên nó đã. Hình thức nghệ thuật phải tự thaann nó ra”. Với quan niệm mới mẻ ấy, ông bước chân ngay vào công cuộc làm mới thơ Việt Nam với thể loại không vần. Bởi lẽ trong ông có sự khao khát rằng, thơ phải thoát ra khỏi sự cầm tù của vần, khỏi những trói buộc hà khắc của luật lệ

Tuy không coi trọng vần, xong ông lại rất chú trọng trong nhịp điệu thơ. Với ông thì nhịp điệu mới chính là hình thức thực sự của thơ, đó không phải cái bằng-trắc thông thường mà đó chính là thứ nhạc ẩn giấu đằng sau nó. “Nhạc của tâm hồn”. Nó hài hòa cùng cuộc sống thường nhật, cất lên những ngữ âm trong cung bậc cao trào.

*Gió thổi rừng tre phấp phới
Trong biếc nói cười thiết tha (Đất nước)
Hay khi trong những xúc cảm trầm buồn sâu lắng.
“Tây Bắc rung mình nhớ người lính trẻ
Sông Đà găm mãi không nguôi”*

(Người tử sĩ)

Mỗi bài thơ của như thể những khúc nhạc, và mỗi khúc ca ấy lại chứa trong chúng một giai điệu riêng, khi như tiếng dội trầm sau của lịch sử vọng qua “Đất nước”, khi thì lại cất lên những âm hưởng hùng tráng ở “Người Hà Nội”, nhưng có lúc lại là nỗi buồn trải dài mênh mang ở “Không nói”. Nếu như ở Tố Hữu là những dòng thơ lục bát dễ đi vào lòng người với cách ghép vần dễ hiểu, dễ nhớ thì những dòng thơ trúc trắc khó đọc của Nguyễn Đình Thi lại có thể để lại ấn tượng cho tâm hồn độc giả ở tính nhạc truyền cảm.

Với những dẫn chứng trên ta có thể có được cái nhìn nhận sơ lược về chính phong cách sáng tác của tác giả Nguyễn Đình Thi. Hiện hữu trong kho tàng thơ ca Việt Nam, thơ ông như thể phát ra một luồng hào quang đến lạ kì. Xen lẫn trong đó là những bản sắc và giọng điệu bi hùng, nhưng cũng không kém những phần sâu lắng, những cảm xúc vui tươi quyện hòa cùng những thủ pháp mang tính cách tân đột phá. Tất cả đã khởi dựng nên một phong cách hoàn toàn mới mẻ với nền văn học Việt Nam, không những kết hợp cái tinh hoa cổ điển mà còn phát huy hết cái chất lãng mạn của “Thơ mới”, vừa tạo nên một cách tư duy hiện đại đậm chất trí tuệ, giàu cảm xúc. Phong cách của Nguyễn Đình Thi, phong cách của một nhà tiên phong dẫn đầu, của một đời người bất chấp cái định kiến của xã hội để mà vươn mình đến một tầm cao mới.